TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **242**/2020/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 15 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 205/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Ông Lê Trung D - sinh năm 1972;
2. Bà Vũ Lan H – sinh năm 1973;

Cùng địa chỉ: đường B, phường H, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Ông Lê Trung D và bà Vũ Lan H cùng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông D và bà H có địa chỉ cư trú ở quận X, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 152, quyển số 01/2002 ngày 03/9/2002 do Ủy ban nhân dân phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thì ông D và bà H là vợ chồng hợp pháp, nay cả hai xin được công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của ông D và bà H thì hai bên đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được nên cả hai cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn. Xét thấy sự thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[4] Về con chung: Cả hai khai có 02 con chung là Lê Vũ K – sinh ngày 25/6/2003 và Lê Minh Ngọc A – sinh ngày 04/4/2012. Ly hôn, cả hai thỏa thuận giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông D có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho con chung Lê Minh Ngọc A. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái luật nên Tòa công nhận.

[5] Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét;

[6] Về nợ chung: Cả hai khai không có nên Tòa không xem xét.

[7] Về lệ phí Tòa án: Lệ phí là 300.000 đồng do ông D và bà H chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Ông Lê Trung D và bà Vũ Lan H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Cả hai có 02 con chung là Lê Vũ K – sinh ngày 25/6/2003 và Lê Minh Ngọc A – sinh ngày 04/4/2012; Giao các con chung cho bà Vũ Lan H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Trung D có nghĩa vụ cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cho con chung Lê Minh Ngọc A. Bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 05/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Trường hợp ông D chậm trả tiền cấp dưỡng thì ông D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được qui định khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015

Ông D được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Trường hợp ông D lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông D.

Bà H cùng gia đình không được cản trở ông D trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Cả hai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa giải quyết;

- Về nợ chung: Cả hai khai không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Lê Trung D và bà Vũ Lan H chịu lệ phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được cấn trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng mà đương sự đã nộp theo biên lai số 0039666 ngày 24/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Q.Tân Bình;
- Chi cục THADS Q.Tân Bình;
- UBND phường S, quận T, TP.HCM (để ghi vào sổ hộ tịch đối với giấy CNKH số 152, quyển số 01/2002 ngày 03/9/2002);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Hiếu